

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: TKD22B2 Năm học: 22-23
Mã môn học/ Mô đun: MH02105 Học kỳ: 01
Tên môn học/ Mô đun: Kinh tế học vi mô
Số tín chỉ: 2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253403021619	Trần Thị Quỳnh Anh	24/04/2007			10	10	9.0	8.0			7.0		7.8
2	2253403021620	Đặng Sĩ Đăng	20/06/2007			8	5	10.0	10.0			0.0	0.0	3.5
3	2253403021621	Nguyễn Thị Liễu Đào	15/08/2007			10	9	7.0	5.0			5.0		5.9
4	2253403021622	Lê Long Trường Định	27/05/2006			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
5	2253403021623	Nguyễn Thị Đờ	03/06/1987			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
6	2253403021624	Mustofa Saly Hah	20/10/2007			10	10	5.0	8.0			5.0		6.1
7	2253403021625	Lưu Quang Hy	02/06/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
8	2253403021626	Lê Thị Hồng Lam	05/06/2007			10	10	7.0	8.0			6.0		6.9
9	2253403021627	Phan Vũ Luân	13/04/2007			10	9	9.0	10.0			6.0		7.4
10	2253403021628	Đào Văn Minh	26/02/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2253403021629	Lê Ngọc Hồng Nga	13/12/2006			10	10	9.0	9.0			8.0		8.5
12	2253403021630	La Mỹ Nhân	31/03/2003			10	10	8.0	10.0			10.0		9.7
13	2253403021631	Nguyễn Thị Nhanh	21/09/2004			10	10	8.0	8.0			8.0		8.3
14	2253403021632	Vương Ngọc Yến Nhi	29/06/2007			10	9	8.0	5.0			4.0		5.4
15	2253403021633	Nguyễn An Ninh	26/08/2007			10	9	9.0	10.0			6.0		7.4
16	2253403021634	Nguyễn Hoàng Thái Phong	06/09/2007			9	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.6
17	2253403021635	Nghiêm Tấn Phúc	28/11/2006			10	10	10.0	10.0			7.5		8.5
18	2253403021636	Trần Nguyễn Thị Nhựt Phụng	30/12/2006			8	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.5
19	2253403021637	Đỗ Xuân Sanh	15/01/2004			10	10	8.0	7.0			8.0		8.1
20	2253403021638	Nguyễn Văn Tài	14/07/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
21	2253403021639	Nguyễn Thị Kim Thanh	28/04/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
22	2253403021640	Nguyễn Thị Kim Thoa	24/12/2007			10	5	10.0	5.0			0.0	0.0	3.0
23	2253403021641	Trần Quốc Thông	17/03/2006			10	8	8.0	7.0			0.0	3.0	5.0
24	2253403021642	Lý Trần Minh Thư	22/08/2007			10	10	7.0	10.0			5.0		6.6
25	2253403021643	Huỳnh Thủy Tiên	25/02/2005			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
26	2253403021644	Mai Thị Cẩm Tiên	06/08/2006			10	9	9.0	7.0			2.0	5.0	6.4
27	2253403021645	Trần Minh Tiến	24/05/2007			10	10	5.0	10.0			2.0	3.0	5.1
28	2253403021646	Phạm Bảo Toàn	11/09/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
29	2253403021647	Nguyễn Thị Ngọc Trân	06/01/2007			10	10	8.0	7.0			2.0	3.0	5.1
30	2253403021648	Trần Thị Huyền Trân	12/11/2007			10	10	7.0	8.0			2.0	4.0	5.7
31	2253403021649	Trương Thị Huyền Trân	19/05/2005			10	9	9.0	7.0			5.0		6.4
32	2253403021650	Đỗ Thị Tuyền	23/05/2007			10	9	9.0	6.0			5.0		6.3
33	2253403021651	Huỳnh Bảo Yến	20/09/2007			10	9	9.0	10.0			6.0		7.4
34	2253403021652	Nguyễn Hải Yến	10/09/2007			9	0	7.0	0.0			0.0	0.0	1.5
35	2253403021653	Nguyễn Hoàng Long	06/09/2004			10	5	7.0	9.0			7.0		7.3

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà